

Số: 45/KH-DTNTT

Hạ Long, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024**

Căn cứ công văn số 582/KH-SGDĐT ngày 27/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024;

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (PCTN), Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật PCTN; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị “về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập”; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị “về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng tiêu cực (PCTNTC) trong công tác cán bộ”; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị “về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và hoạt động thanh tra, kiểm tra”; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia PCTNTC đến năm 2030; Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024”; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 16/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; xử lý các vụ án; vụ việc về tham nhũng, chức vụ, kinh tế, tiêu cực”; Báo cáo số 365/BC-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về công tác PCTNTC năm 2023; phương hướng nhiệm vụ năm 2024, phục vụ xây dựng báo cáo định kỳ của Ban cán sự đảng Chính phủ; Công văn số 106/UBND-NC ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc tiếp tục triển khai thực hiện các Kết luận, các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy đối với công tác PCTNTC; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 26/01/2024 khắc phục, cải thiện, nâng cao chỉ số đánh giá, xếp hạng công tác PCTN trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 27/KHUBND ngày 02/02/2024 công tác PCTNTC năm 2024,

Trường PTDTNT THCS&THPT Tỉnh Quảng Ninh triển khai kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục của Nhà trường trong công tác PCTNTC nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, hiệu quả công tác

PCTNTC của toàn trường; triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Tiếp tục tạo chuyên biến tích cực, rõ rệt hơn nữa công tác PCTNTC, lãng phí, tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn có hiệu quả tệ "tham nhũng vặt", lãng phí; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Nhà trường có phẩm chất đạo đức cách mạng, có năng lực và trình độ chuyên môn vững vàng, góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Giáo dục để học sinh hiểu biết, có kỹ năng, kiến thức về phòng chống tham nhũng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác PCTNTC; phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong công tác đấu tranh PCTNTC; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

## **2. Yêu cầu**

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc mục đích, quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC. Việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN và đề ra các giải pháp về PCTN, tránh hình thức để từ đó tạo được ý thức chủ động, tự giác của các tập thể và cá nhân trong phòng ngừa, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng.

- Phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài; phát hiện, xử lý là quan trọng, cấp bách. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có hành vi tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh PCTNTC, siết chặt kỷ luật, kỷ cương gắn với khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khuyến khích người đứng đầu kiểm tra, phát hiện xử lý tham nhũng, tiêu cực đấu tranh PCTNTC.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp PCTNTC gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng gắn với trách nhiệm của người đứng đầu nếu để xảy ra hành vi tham nhũng, những nhiễu tại cơ quan, đơn vị được giao quản lý. Cụ thể hoá các nhiệm vụ, biện pháp PCTNTC; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm trong triển khai công tác PCTN; tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng

Chính phủ về đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục; lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống nhằm PCTN vào chương trình giảng dạy cho học sinh.

## II. NỘI DUNG

### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Người đứng đầu các bộ phận tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật về PCTNTC, các Thông báo kết luận của Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương và của Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về PCTNTC; thực hiện đồng bộ các quy định về phòng ngừa tham nhũng; chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện công tác PCTNTC có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế, trong đó phải xác định rõ nội dung, yêu cầu, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện cụ thể; tăng cường công tác phát hiện, kịp thời xử lý và thu hồi tài sản tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về công tác PCTNTC theo quy định.

- Tăng cường giáo dục kỷ luật, chấp hành kỷ luật, dùng kỷ luật nghiêm minh và giám sát nghiêm khắc để cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên biết giữ gìn, nhớ điều cấm, giữ giới hạn, quen làm việc và sinh sống trong môi trường bị giám sát, bị ràng buộc để *làm đúng hơn, làm nhanh hơn, làm tốt hơn, tận tâm, tận lực phục vụ Nhân dân, nêu gương, làm gương ở mọi nơi, mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh, phải thật sự chí công vô tư, mọi việc đều xuất phát từ Nhân dân, vì Nhân dân*. Đổi mới đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí gắn với sản phẩm cụ thể, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng. Tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên; siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác cán bộ để ngăn ngừa và xử lý nghiêm vi phạm trong công tác cán bộ; thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tổ chức, cán bộ, kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong công tác cán bộ.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp kiên quyết, kiên trì trong đấu tranh PCTNTC, lãng phí; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm; tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên, nhất là người đứng đầu trong PCTNTC; tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác PCTNTC.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực, đổi mới cách thức thực hiện để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật; nêu cao vai

trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 23-CT/TU ngày 10/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn tỉnh; kiên quyết khắc phục tình trạng tham nhũng vặt.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tạo chuyên biến thực sự trong đấu tranh PCTNTC, trước hết ý thức tự giác, gương mẫu thực hiện nghiêm các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về PCTNTC, nhất là phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, bộ phận;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác PCTNTC đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ được giao.

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNTC**

- Nội dung công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTNTC: Tập trung vào các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC, nhất là các văn bản mới ban hành và trọng tâm tuyên truyền. (Danh mục văn bản kèm theo).

- Đối tượng tuyên truyền: Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh.

- Hình thức tuyên truyền: Sử dụng các hình thức như báo, đài, trang thông tin điện tử, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, tổ chức thi viết tìm hiểu pháp luật về PCTNTC; khuyến khích việc sáng tạo trong công tác tuyên truyền nhằm nâng cao tác dụng, hiệu quả công tác tuyên truyền, lồng ghép tích hợp vào giảng dạy ...

- Thực hiện Kế hoạch số 2825/KH-SGDĐT ngày 10/10/2023 của Sở GDĐT về việc thực hiện công tác pháp chế năm học 2023-2024 và các giải pháp cải thiện điểm số, thứ hạng Chỉ số cải thiện các quy định pháp luật Việt Nam năm 2023.

## **3. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, đơn vị**

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Tập trung kiểm tra, giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, vị trí công tác dễ phát sinh sai phạm, xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, dư luận xã hội quan tâm, nhất là trong xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, các lĩnh vực đầu tư công, tài chính, tài sản công, đấu giá, đấu thầu, việc huy động, tài trợ và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, hoạt động giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; công tác tổ chức, cán bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nghiêm túc quyết liệt trong

quá trình kiểm tra, thanh tra đáp ứng yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 16/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tăng cường kiểm soát quyền lực, PCTNTC theo Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị.

- Thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Xây dựng, thực hiện tốt chế độ, định mức, tiêu chuẩn đúng pháp luật; thực hiện quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phê phán, lên án, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tiến hành công khai và thực hiện có hiệu quả các quy định.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, bộ phận khi để xảy ra tham nhũng.

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nhận diện các dấu hiệu có tư lợi, xung đột lợi ích; thực hiện các quy định của pháp luật về xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐCP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

#### **4. Công tác phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng**

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tham nhũng, tiêu cực; nâng cao hiệu quả, thực chất công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Xử lý, ngăn chặn có hiệu quả hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; kiên quyết khắc phục tệ “tham nhũng vặt”, lãng phí, tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác PCTNTC.

#### **5. Công tác kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập**

- Chủ động chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trên nhiều mặt công tác, trọng tâm: Thực hiện các quy định công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị; kiểm soát quyền lực, trách nhiệm của người đứng đầu khi thực hiện nhiệm vụ; trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phát huy tối đa quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Tổ chức chỉ đạo, triển khai và thực hiện nghiêm túc có Kế hoạch số 3507/KHSGDDĐT ngày 04/12/2023 thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở GDĐT năm 2023; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kê khai tài sản thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai; tổng hợp báo cáo kết quả kê khai đảm bảo quy định.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban Giám hiệu**

- Xây dựng kế hoạch PCTNTC năm 2024 của Nhà trường, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014 và nội dung giáo dục đạo đức liêm chính theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

- Chỉ đạo thực hiện đúng, đầy đủ hướng dẫn tại công văn số 208/SGDDĐT-TTr ngày 22/01/2024 về việc thực hiện công tác kiểm tra; thanh tra, kiểm tra nội bộ trường học; Tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTNTC từ năm học 2023- 2024.

- Triển khai các văn bản về PCTNTC theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Nghiên cứu, triển khai thực hiện các Kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, tập huấn chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về PCTNTC.

- Chỉ đạo xây dựng quy định, nội quy tiếp công dân, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; đầu mối theo dõi xử lý thông tin liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

- Thực hiện công khai trong công tác thi đua khen thưởng, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

#### **2. Công Đoàn Nhà trường**

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, giám sát thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về PCTNTC trong toàn bộ cán bộ, giáo viên, và học sinh trong trường.

- Phối hợp cùng nhà trường định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường;

- Phối hợp các bộ phận định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Quy định về lề lối làm việc của Nhà trường.

#### **3. Đoàn thanh niên Nhà trường**

- Tổ chức các hoạt động tăng cường nhận thức về PCTN cho đoàn viên, học sinh.

- Phối hợp triển khai các chương trình, dự án giáo dục về PCTN.

#### **4. Tổ văn phòng & Giáo vụ**

- Thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách theo các quy định hiện hành.
- Theo dõi quản lí, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc các nguồn kinh phí khác.
- Thực hiện công tác chuyển đổi số toàn diện, cải cách hành chính nhằm PCTNTC.
- Triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách học sinh, nhằm phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; Thực hiện quản lí, thanh toán không dùng tiền mặt. Thực hiện nội dung công khai của các cơ sở giáo dục và công khai trong công tác thi, quản lí văn bằng, chứng chỉ;
- Báo cáo quy định về việc tặng quà và nhận quà tặng (nếu có), công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.
- Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.
- Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tuyển sinh theo nhiệm vụ được giao.

#### **5. Tổ chuyên môn**

Trên cơ sở chương trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tập huấn, tài liệu tham khảo đã được phê duyệt, hướng dẫn của Sở GDĐT và của chuyên môn Nhà trường, tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục, hướng dẫn soạn kế hoạch bài dạy có nội dung giáo dục PCTNTC phù hợp với đặc điểm bộ môn, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và tổ chức hoạt động ngoại khóa phù hợp với đặc điểm của Nhà trường.

Tổ chức giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa nhằm tăng cường nhận thức và ý thức phòng, chống tham nhũng cho học sinh.

Trên đây là kế hoạch về công tác PCTNTC năm 2024 của trường PTDTNT THCS & THPT tỉnh Quảng Ninh. Nhà trường yêu cầu các tổ chức, bộ phận, trường bộ phận triển khai, thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Chi bộ (b/c);
- Công đoàn trường (p/h);
- Đoàn TN trường (p/h);
- Các tổ CM, tổ công tác (t/h);
- Lưu: VT.



**Các Văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTNTC**

*(Kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-DTNTT ngày 08/3/2024 về Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 của trường PTDTNT THCS&THPT tỉnh Quảng Ninh)*

1. Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”;
2. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”;
3. Luật PCTN năm 2018;
4. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về “quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng”;
5. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về “kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị”;
6. Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của BCH Trung ương “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên”;
7. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị “về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”;
8. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về “tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp”;
9. Công điện số 08/CE-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về “tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ”;
10. Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế”;
11. Quy định số 32-QĐ/TW ngày 16/9/2021 của Bộ chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực”;



12. Kết luận số 34/KL-TW ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị “về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030”;

13. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương “quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm”;

14. Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 “về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực”;

15. Chương trình hành động số 17-Ctr/TU ngày 26/7/2022 về việc thực hiện Kết luận số 34/KL-TW ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị “về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030”;

16. Luật thanh tra số 11/2022/QH15 ngày 14/11/2022;

17. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị “về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác cán bộ”;

18. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị “về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và hoạt động thanh tra, kiểm tra”;

19. Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh “về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024”;

20. Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 16/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, chuyên giao, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; xử lý các vụ án, vụ việc về tham nhũng, chức vụ, kinh tế, tiêu cực”.

21. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo”.

22. Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

23. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.

24. Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân về “nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng”.

25. Quy định số 1216-QĐ-TU ngày 12/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị

“về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

26. Quyết định số 1217-QĐ/TU ngày 12/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp ủy.

27. Luật Khiếu nại.

28. Luật Tố cáo.

29. Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Biểu số :01

**KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

| MS | NỘI DUNG  | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|----|---|------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>  |            |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN                            | Văn bản    |         |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                             | Văn bản    |         |
| 3  | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                                       | Văn bản    |         |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>   |            |         |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức                                     | Lớp        |         |
| 5  | Số lượt cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN                | Lượt người |         |
| 6  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản  | Tài liệu   |         |
|    | <b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |            |         |
|    | <i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>   |            |         |
| 7  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV |         |
| 8  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động          | CQ, TC, ĐV |         |
|    | <i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>   |            |         |
| 9  | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới   | Văn bản    |         |
| 10 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ   | Văn bản    |         |

|    |   |       |  |
|----|---|-------|--|
| 11 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc  |  |
| 12 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                              | Vụ    |  |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ                           | Người |  |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính    | Người |  |

| MS | NỘI DUNG   | ĐVT              | SỐ LIỆU |
|----|--|------------------|---------|
| 15 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự  | Người            |         |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng       |         |
| 17 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường  | Triệu đồng       |         |
|    | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>  |                  |         |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn   | CQ,<br>TC,<br>ĐV |         |
| 19 | Số cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý  | Người            |         |
| 20 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị  | Người            |         |
| 21 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)  | Triệu đồng       |         |
| 22 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích  | Người            |         |
| 23 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ   | Người            |         |
|    | <i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>  |                  |         |
| 24 | Số cán bộ, giáo viên, nhân viên được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng   | Người            |         |

|    |   |              |  |
|----|---|--------------|--|
|    | <i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i> |              |  |
| 25 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị                                    | Thủ tục      |  |
| 26 | Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                    | Thủ tục      |  |
| 27 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên                   | Lượt thủ tục |  |
| 28 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                               | Cuộc         |  |
| 29 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt                             | Vụ           |  |
| 30 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)                               | Triệu đồng   |  |
| 31 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)  | %            |  |

| MS   | NỘI DUNG   | ĐVT              | SỐ LIỆU |
|------|--|------------------|---------|
|      | <i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>                                 |                  |         |
| 32   | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ   | Người            |         |
| 33   | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập  | Người            |         |
| 34   | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ,<br>TC,<br>ĐV |         |
| 35   | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập   | Người            |         |
| 35.1 | <i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>   | Người            |         |
| 35.2 | <i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>   | Người            |         |
|      | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ  |                  |         |

|    |  |       |       |
|----|--|-------|-------|
| 36 | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo   | Vụ    |       |
| 37 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo  | Người |       |
|    | <i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>   |       |       |
| 38 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước  | Vụ    |       |
| 39 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước   | Người |       |
| 40 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra   | Vụ    |       |
| 41 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra   | Người |       |
| 42 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng                   | Vụ    |       |
|    | <i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>                            |       | vụ    |
| 43 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Người |       |
|    | <i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>          |       | người |

| MS | NỘI DUNG  | ĐVT   | SỐ LIỆU |
|----|---|-------|---------|
|    | <i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>   |       |         |
| 44 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử                   | Vụ    |         |
| 45 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người |         |

|    |   |         |  |
|----|---|---------|--|
| 46 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra   | Vụ      |  |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra                                       | Người   |  |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán   | Vụ      |  |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán                                 | Người   |  |
|    | <i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>  |         |  |
| 50 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng   | Vụ việc |  |
| 51 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét   | Vụ việc |  |
| 52 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng                   | Vụ      |  |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | người   |  |
|    | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>  |         |  |
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo  | Vụ      |  |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                   | Người   |  |
|    | <i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>  |         |  |
| 56 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác  | Vụ      |  |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác   | Người   |  |
|    | <i>Qua điều tra tội phạm</i>  |         |  |
| 58 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố                                   | Vụ      |  |

| MS   | NỘI DUNG   | ĐVT   | SỐ LIỆU |
|------|--|-------|---------|
| 59   | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lí) đã bị cơ quan chức năng khởi tố  | Người |         |
|      | <i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>  |       |         |
| 60   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo  | Người |         |
| 61   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù  | Người |         |
| 62   | Số người đã bị xử lí do có hành vi trả thù người tố cáo  | Người |         |
| 63   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng  | Người |         |
|      | <b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XẢY RA THAM NHŨNG</b>  |       |         |
| 64   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng  | Người |         |
| 65   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lí hình sự do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng  | Người |         |
| 66   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lí kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xảy ra tham nhũng   | Người |         |
| 66.1 | - <i>Khiển trách</i>   | Người |         |
| 66.2 | - <i>Cảnh cáo</i>  | Người |         |
| 66.3 | - <i>Cách chức</i>   | Người |         |
|      | <b>XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |       |         |
| 67   | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lí trực tiếp)        | Vụ    |         |
| 68   | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lí trực tiếp) trong đó: | Người |         |



|      |   |       |  |
|------|---|-------|--|
| 68.1 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng                                | Người |  |
| 68.2 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng                                   | Người |  |
| 68.3 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng                               | Người |  |
| 68.4 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng                          | Người |  |
| 69   | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính                                    | Vụ    |  |
| 70   | Số cán bộ, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người |  |

| MS   | NỘI DUNG  | ĐVT            | SỐ LIỆU |
|------|---|----------------|---------|
| 71   | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)   | Vụ             |         |
| 72   | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người          |         |
|      | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>                   |                |         |
| 73   | Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)              | Triệu đồng     |         |
| 74   | Đất đai   | m <sup>2</sup> |         |
|      | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>            |                |         |
| 75   | Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)              | Triệu đồng     |         |
| 75.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính  | Triệu          |         |
| 75.2 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp   | Triệu          |         |
| 76   | Đất đai   | m <sup>2</sup> |         |
| 76.1 | - Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính   | m <sup>2</sup> |         |
| 76.2 | - Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp  | m <sup>2</sup> |         |
|      | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>      |                |         |

|    |   |                |  |
|----|---|----------------|--|
| 77 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)  | Triệu đồng     |  |
| 78 | Đất đai   | m <sup>2</sup> |  |
|    | PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC  |                |  |
| 79 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lí                                     | Tổ chức        |  |
| 80 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN | Tổ chức        |  |
| 81 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lí do có vi phạm pháp luật về PCTN                  | Tổ chức        |  |
| 82 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lí được phát hiện  | Vụ             |  |
| 83 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lí được phát hiện  | Người          |  |

| MS | NỘI DUNG   | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|----|--|------------|---------|
| 84 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lí đã bị xử lí hình sự  | Người      |         |
| 85 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lí (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |         |
| 86 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lí (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)     | Triệu đồng |         |

Biểu số: 02

**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ**

(Số liệu tính từ ngày ... đến ngày ...)

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc | Ghi chú |
|----|--------|---|------------------------------------|--------------------------|---------|
| 1  |        |   |                                    |                          |         |
| 2  |        |   |                                    |                          |         |
|    |        |   |                                    |                          |         |
|    |        |   |                                    |                          |         |
|    |        |   |                                    |                          |         |

Biểu số: 03

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG<sup>(\*)</sup>**

(Số liệu tính từ ngày ..... đến ngày ....)

| TT       | Tên, số, ngày, tháng, năm | Cơ quan ban hành văn bản | Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng | Kết quả khắc phục                 |                     |  | Ghi chú |
|----------|---------------------------|--------------------------|--|-----------------------------------|---------------------|--|---------|
|          |                           |                          |  | Đã được khắc phục theo thẩm quyền | Chưa khắc phục xong | Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong |         |
| MS       | 1                         | 2                        | 3  | 4                                 | 5                   | 6  | 7       |
| 1        |                           |                          |  |                                   |                     |  |         |
| 2        |                           |                          |  |                                   |                     |  |         |
| Tổng số: |                           |                          |  |                                   |                     |  |         |

**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

(\*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4), (5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)